



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

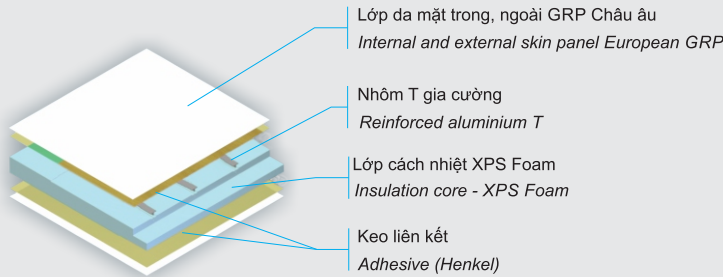
HYUNDAI MIGHTY N250 E5
MIGHTY N250SL E5

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		N250	N250SL
Loại xe / Vehicle type		Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code		HYUNDAI MIGHTY N250 -QA.DLF2S (F1S)	HYUNDAI MIGHTY N250SL -QA.DLF2S (F1S)
Công thức bánh xe / Wheel formular		4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions			
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm	5520 x 1820 x 2560	6450 x 1820 x 2560
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm	3600 x 1800 x 1750	4550 x 1800 x 1750
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm	3420 x 1660 x 1580	4370 x 1660 x 1580
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm	2810	3310
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm	1485 / 1275	1485 / 1275
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm	1160 / 1550	1160 / 1980
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm	1760	1760
Thông số về khối lượng / Weight			
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg	2450	2600
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg	2350	2200
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg	4995	4995
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver		3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres			
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)		6.50R16	6.50R16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)		5.50R13	5.50R13
Thiết bị điện / Electric equipment			
Áp định mức: 12V Out put: 12V		Ắc quy / Batteries: 12V - 100Ah - 1 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 100Ah - 1 bình
Máy phát Alternator		13,5V - 90A	13,5V - 90A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment			
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit		THERMAL MASTER T-1400 (-18oC, 1900W)	THERMAL MASTER T-1400 (-18oC, 1900W)
Trang bị khác Other equipment		-	-

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 1.5T ~ 2.5T	Sàn sóng / corrugated 1.5T ~ 2.5T
Panel sàn Floor panel	80	90
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* Fax: (0272) 3769 023

* Phòng kinh doanh:

Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444

Email: kd01@quyenauto.com

* Tư vấn kỹ thuật:

Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317

Email: technical@quyenauto.com

